

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VŨNG LIÊM  
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 33 /2024/HS-ST  
Ngày: 25-6-2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Mẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Trung Du**

Ông **Trần Văn Lập**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Trương Tuyết Vân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện  
Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long tham gia  
phiên tòa:** ông **Huỳnh Hữu Tài** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 06 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử  
sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2024/TLST-HS ngày 12  
tháng 4 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2024/QĐXX-HS  
ngày 22 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thị Hồng T** – sinh ngày 10 tháng 05 năm 1991, tại **xã T, huyện V, tỉnh  
Vĩnh Long**. Nơi cư trú: **ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long**; nghề nghiệp: Làm  
thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: không; quốc  
tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1957 và bà **Bùi Thị C**, sinh  
năm 1957; anh, chị em ruột: Bị cáo là con một; chồng: **Nguyễn Văn T1**, sinh năm:  
1986, con có 03 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm: 2023.

Tiền án: 03 tiền án.

+ Ngày 22/3/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tuyên phạt 06 (sáu)  
tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong ngày 09/11/2019.

+ Ngày 09/6/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tuyên phạt 04 (bốn)  
tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 17/8/2022, Tòa án nhân dân  
huyện Vũng Liêm ra Quyết định hoãn chấp hành án phạt tù trong thời hạn 09  
(chín) tháng do bị cáo **T** đang mang thai, thời gian hoãn chấp hành án kể từ ngày  
17/8/2022.

Ngày 31/5/2023, Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm tuyên phạt 03 (ba) năm 10  
(mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do bị can **T** đang nuôi con  
dưới 36 tháng tuổi nên được hoãn chấp hành án phạt tù, thời gian được hoãn chấp

hành án phạt tù là 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng 05 (năm) ngày, kể từ ngày 13/7/2023.

Tiền sự: không;

Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Các bị hại:

1/ Chị [Nguyễn Thị Mỹ Q](#), sinh năm: 1991

Nơi cư trú: [V, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long](#).

2/ Chị [Huỳnh Ngọc D](#), sinh năm: 1976.

Nơi cư trú: [ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

3/ Chị [Huỳnh Thị Minh S](#), sinh năm: 1983.

Nơi cư trú: Rạch Đồi, xã Tân Quới Trung, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

4/ Chị [Võ Thị Huỳnh N](#), sinh năm: 1994.

Nơi cư trú: [ấp Đ, xã T, huyện V](#).

5/ Anh [Nguyễn Văn Đ](#), sinh năm: 1970.

Nơi cư trú: [ấp A, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

6/ Chị [Trần Thị Ngọc H](#), sinh năm: 1970.

Nơi cư trú: [ấp F, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long](#).

7/ Anh [Phạm Trung T2](#), sinh năm: 1996.

Nơi cư trú: [ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long](#).

8/ Ông [Nguyễn Văn Bé N1](#), sinh năm: 1965.

Nơi cư trú: [ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh [Bùi Hồng T3](#), sinh năm: 1978.

Nơi cư trú: Xuân Minh 1, xã Trung Thành, huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh

2/ Ông [Nguyễn Thành L](#), sinh năm: 1963.

Nơi cư trú: [ấp X, xã T, huyện V](#).

#### NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/5/2023, [Nguyễn Thị Hồng T](#) bị Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, xử phạt 03 (ba) năm 10 (mười) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Do [T](#) đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi nên được hoãn chấp hành án phạt tù và thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù là 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng 05 (năm) ngày, kể từ ngày 13/7/2023. Trong khoảng thời gian hoãn chấp hành án phạt tù nêu trên, [T](#) tiếp tục thực hiện nhiều vụ án “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Cụ thể như sau:

1. Vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại [ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) vào ngày 09/7/2023:

Ngày 09/7/2023, [Nguyễn Thị Hồng T](#) đi đến [tiệm T7](#) “Tạp hóa Cô [Q](#)” thuộc [ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), do chị [Nguyễn Thị Mỹ Q](#), sinh năm 1991, nơi thường trú: [ấp V, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) làm chủ. [T](#) tự giới thiệu tên với chị [Q](#) là [C1](#), cháu của ông [T4](#) chủ quán giải khát biển hiệu “[V](#)” thuộc [ấp H, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), ở thành phố mới về. [T](#) nói dối với chị [Q](#) là được ông [T4](#) nhờ ra mua đồ tạp hóa dùm, và mua rất nhiều mặt hàng tạp hóa như: bia, đường

cát, nước ngọt, ly nhựa, sữa, thuốc hút, thẻ cào... Sau đó, T nói chị Q soạn một số mặt hàng tạp hóa để T chở về trước, số còn lại nhờ chị Q chở đến quán ông T4 giao dùm. Do quen biết với ông T4 và ông T4 là khách quen nên chị Q tin tưởng lời của T nói là sự thật, đồng ý với yêu cầu của T. Chị Q soạn một số mặt hàng tạp hóa theo yêu cầu của T ghi ra toa (đơn hàng), gồm có: 04 (bốn) lon sữa bột hiệu Ensure, loại lon 400g x 385.000 đồng/lon = 1.540.000 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi nghìn đồng); 10 (mười) thẻ cào điện thoại V mệnh giá 100.000đồng/thẻ= 1.000.000 đồng (một triệu đồng); 05 (năm) thẻ cào điện thoại Mobi mệnh giá 100.000 đồng/thẻ = 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng); 06 cây thuốc Saigon vàng x 172.000 đồng/cây = 1.032.000 đồng (một triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng). Số hàng tạp hóa nêu trên chị Q ghi ra toa hàng, giao cho T có tổng số tiền mua, bán là 4.072.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Khi T mang số hàng tạp hóa nêu trên đi khỏi thì chị Q gọi điện thoại hỏi ông T4. Biết bị lừa nên chị Q đến Công an xã H trình báo sự việc.

Còn T sau khi chiếm đoạt được tài sản, đã bán lại cho nhiều người đi đường không rõ họ tên, địa chỉ, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại kết luận định giá tài sản số 30/KL-HĐĐGTS ngày 28/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V, kết luận tài sản (hàng tạp hóa) bị chiếm đoạt nêu trên, có giá thành tiền là 3.728.000 đồng (ba triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn đồng).

2. Vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 19/7/2023:

Ngày 19/7/2023, Nguyễn Thị Hồng T đi một mình đến tiệm T7 “Mỹ Duyên” gặp chị Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1976, thuộc ấp N, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. T giới thiệu tên là N2 nhà gần nhà trọ biển hiệu “Huỳnh Long”, T nói dối với chị D là mua đồ đem về nhà chuẩn bị làm đám sinh nhật cho con. T nói với chị D lấy nhiều mặt hàng tạp hóa để chở về trước, chị D biết nhà trọ biển hiệu “Huỳnh Long” và tin tưởng T là người địa phương nên đồng ý ghi toa (đơn hàng) bán cho T gồm có: 01 (một) bít cà phê = 34.000 đồng (ba mươi bốn nghìn đồng); 02 (hai) sữa lớn = 120.000 đồng (một trăm hai mươi nghìn đồng); 03 (ba) lon sữa Ensure x 375.000 đồng/lon = 1.125.000 đồng (một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng); 01 (một) cây Saigon = 114.000 đồng (một trăm mười bốn nghìn đồng); 02 (hai) Vina C2 = 96.000 đồng (chín mươi sáu nghìn đồng). Số hàng hóa chị D ghi ra toa hàng nêu trên giao cho T có tổng số tiền mua, bán là 1.489.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng). Sau đó, T tiếp tục nói dối với chị D lấy bán thêm nhiều thẻ cào điện thoại di động nhưng khi chị D giao thẻ cào thì T nói dối là quên đem theo tiền để lấy chở về nhà trước rồi quay lại trả tiền, chị D không đồng ý nên T chỉ chở đi được số mặt hàng tạp hóa đã ghi ra toa.

Sau đó, chị D không thấy T quay lại lấy thẻ cào và trả tiền mua hàng tạp hóa, chị D hỏi người quen để kiểm tra thì mới biết gần nhà trọ biển hiệu “Huỳnh Long” không ai tên N2 có nhà chuẩn bị làm đám sinh nhật gì hết. Chị D mới biết mình bị lừa đảo đến Công an xã Q trình báo sự việc.

Số tài sản chiếm đoạt được, T đã bán lại cho người đi đường không quen biết, lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐGTS ngày 01/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự [huyện V](#), kết luận tài sản (hàng tạp hóa) bị chiếm đoạt nêu trên có giá thành tiền là 1.543.000 đồng (một triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn đồng).

3. Các vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại [ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) vào các ngày 27, 28/6/2023; 17/7/2023 và 28/7/2023:

Trong khoảng thời gian từ năm 2020-2021, [Nguyễn Thị Hồng T](#) đi làm thuê ở khu vực chợ [xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), có đi và về ngang qua [xã T](#), nên [T](#) biết và nhiều lần vào [tiệm T7](#) “Tuấn Sang (999)” của chị [Huỳnh Thị Minh S](#), sinh năm 1983, thuộc [ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), mua đồ tạp hóa về sử dụng. Trong những lần mua đồ tạp hóa, [T](#) nói dối với chị [Sang t](#) là Chị nhà ở gần [cầu C](#), là khu vực có nhiều nhà người quen của chị [S](#).

Từ ngày 27/6/2023 đến ngày 28/7/2023, [T](#) đã nói dối chị [S](#) mua đồ tạp hóa về nhà sử dụng, bán lại và mỗi lần mua đồ tạp hóa [T](#) nói dối với chị [S](#) là mượn thêm tiền cho chẵn để dễ chuyển khoản trả số tiền mua hàng tạp hóa. Cụ thể như sau:

Ngày 27/6/2023, [T](#) đến [tiệm T7](#) (999)” mua nhiều mặt hàng tạp hóa, được chị [S](#) ghi ra toa (đơn hàng). Cụ thể: Hạt niêm lớn = 210.000 đồng (hai trăm mười nghìn đồng); 04 (bốn) cà phê vina = 230.000 đồng (hai trăm ba mươi nghìn đồng); 01 (một) dầu gội chai = 135.000 đồng (một trăm ba mươi lăm nghìn đồng); 02 (hai) hộp sữa = 124.000 đồng (một trăm hai mươi bốn nghìn đồng); 02 (hai) ký bột ngọt = 135.000 đồng (một trăm ba mươi lăm nghìn đồng); 02 (hai) cây đường to = 528.000 đồng (năm trăm hai mươi tám nghìn đồng); 02 (hai) hộp sữa bò = 124.000 đồng (một trăm hai mươi bốn nghìn đồng). Số hàng tạp hóa nêu trên, chị [S](#) ghi ra toa hàng giao cho [T](#) có tổng số tiền mua, bán là 1.486.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi sáu nghìn đồng). Ngày 28/6/2023, [T](#) tiếp tục đến [tiệm T7](#) (999)” mua nhiều mặt hàng tạp hóa, được chị [S](#) ghi ra toa (đơn hàng). Cụ thể: 01 (một) lốc nước giải khát Mirinda = 40.000 đồng (bốn mươi nghìn đồng); 02 (hai) sữa Ensure = 670.000 đồng (sáu trăm bảy mươi nghìn đồng); 01 (một) hạt niêm lớn = 64.000 đồng (sáu mươi bốn nghìn đồng); 01 (một) cà phê ống = 34.000 đồng (ba mươi bốn nghìn đồng); 01 (một) dầu bé = 70.000 đồng (bảy mươi nghìn đồng); 01 lốc bò hút = 65.000 đồng (sáu mươi lăm nghìn đồng); 01 (một) khăn lạnh = 29.000 đồng (hai mươi chín nghìn đồng); 01 (một) chai dầu gội Clear = 140.000 đồng (một trăm bốn mươi nghìn đồng); 01 (một) bột bột ngọt = 32.000 đồng (ba mươi hai nghìn đồng); 01 (một) xả Comfo = 180.000 đồng (một trăm tám mươi nghìn đồng); 01 (một) bánh pía = 85.000 đồng (tám mươi lăm nghìn đồng); 01 (một) chai xị muối = 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); thẻ cào = 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); và mượn tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Số hàng tạp hóa nêu trên, chị [S](#) ghi ra toa hàng giao cho [T](#) có tổng số tiền mua, bán và tiền mượn là 6.009.000 đồng (sáu triệu không trăm lẻ chín nghìn đồng).

Tổng số tiền mua hàng tạp hóa và mượn của chị [S](#) vào ngày 27, 28/6/2023 là 7.495.000 đồng (bảy triệu bốn trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Đến ngày 17/7/2023, [Nguyễn Thị Hồng T](#) đến [tiệm T7](#) (999)” mua nhiều mặt hàng tạp hóa, được chị [S](#) ghi ra toa (đơn hàng). Cụ thể: 02 (hai) lốc nước yến = 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng); 01 (một) tả bé = 285.000 đồng (hai trăm tám mươi

lăm nghìn đồng); 02 (hai) sữa bé = 470.000 đồng (bốn trăm bảy mươi nghìn đồng); và mượn tiền 3.745.000 đồng (ba triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Tổng số tiền T mua hàng tạp hóa và mượn của chị S vào ngày 17/7/2023 là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Đến ngày 28/7/2023, T đi đến tiệm T7 (999)” mua mặt hàng là thẻ cào nạp tiền điện thoại di động, được chị S ghi ra toa (đơn hàng) số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Sau lần mua hàng tạp hóa sau cùng nêu trên, không thấy T đến thanh toán tiền các đơn hàng đã bán nên chị S đến khu vực cầu Công ty tìm thì không có người phụ nữ tên C1. Chị S hỏi thăm những người khách hàng quen thì mới biết được người phụ nữ tên C1 chính là Nguyễn Thị Hồng T nhà ở ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, và nghe biết được T đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người. Chị S biết mình bị lừa nên đến Công an xã T trình báo sự việc.

Số tài sản chiếm đoạt được nêu trên, T đã sử dụng và bán lại cho người đi đường không quen biết lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 37/KL-HĐĐGTS ngày 18/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện V, kết luận tài sản (hàng tạp hóa) bị chiếm đoạt cụ thể như sau: Tài sản bị chiếm đoạt ngày 27, 28/6/2023 có giá trị thành tiền là 4.995.000 đồng (bốn triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng); Tài sản bị chiếm đoạt ngày 17/7/2023 có giá trị thành tiền là 1.255.000 đồng (một triệu hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng); Tài sản bị chiếm đoạt ngày 28/7/2023 có giá trị thành tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

4. Các vụ án hình sự “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/6/2023; xảy ra tại ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 21/8/2023 và vào ngày 28/8/2023; xảy ra tại ấp F, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/9/2023; xảy ra tại ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/9/2023.

\* Vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 08/6/2023:

Khoảng 08 giờ ngày 08/6/2023, Nguyễn Thị Hồng T điều khiển xe mô tô đi một mình đến tiệm tạp hóa không biển hiệu của chị Võ Thị Huỳnh N, sinh năm 1994 và chồng là Phạm Hữu T5, sinh năm 1996, thuộc ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long làm chủ. T nói dối với chị N là người nhà của bà H1 đến đặt mua các hàng hóa gồm: 03 (ba) cây thuốc lá CUULONG vàng, 02 (hai) thùng bia lon TIGER nâu; 02 (hai) bít cà phê Vina; 04 (bốn) bít bột rau câu; 02 (hai) hộp sữa đặc có đường Phương Nam; 01 (một) cây đường cát vàng loại to, khô; 02 (hai) thẻ cào điện thoại mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng). Số hàng tạp hóa nêu trên, chị N ghi ra toa giao cho T có tổng số tiền mua, bán là 1.758.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng). Sau khi chị N ghi ra toa hàng trên xong, T tiếp tục đặt mua thêm 03 (ba) thùng bia lon TIGER nâu, 01 (một) cây đường cát. T nói dối với chị N để T chờ số hàng hóa mua tính tiền ra toa nêu trên đi về trước, số còn lại T cho số điện thoại lại để chị N liên lạc chờ đến nhà bà H1 giao rồi trả tiền đủ luôn, chị N có quen biết bà H1 là người ở địa phương nên chị N tin tưởng lời của T nói là sự thật nên chị N đồng ý. Đến chiều cùng ngày, anh Phạm Hữu T5 chờ hàng tạp hóa còn lại mà T đặt mua nêu trên đến

nhà bà [H1](#) để giao thì không có bà [H1](#) ở nhà, anh [T5](#) hỏi thăm được biết bà [H1](#) đã đi thành phố Hồ Chí Minh nhiều ngày trước đó, chị [N](#) gọi điện thoại cho [T](#) nhưng không liên lạc được. Số hàng tạp hóa chiếm đoạt được nêu trên, [T](#) mang về sử dụng hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự [huyện V](#), kết luận tài sản (hàng tạp hóa) bị chiếm đoạt nêu trên có giá trị thành tiền là 1.705.000 đồng (một triệu bảy trăm lẻ năm nghìn đồng).

\* Các vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại [ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), vào ngày 21/8/2023 và ngày 28/8/2023:

Vụ xảy ra ngày 21/8/2023:

Vào khoảng 09 giờ ngày 21/8/2023, [Nguyễn Thị Hồng T](#) gọi điện thoại đến Cửa hàng kinh doanh gas, bia biển hiệu “[K](#)” thuộc [ấp H, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), gặp ông [Nguyễn Văn Đ](#), sinh năm 1970, nơi thường trú: [ấp A, xã Q, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), hỏi mua bia. [T](#) nói dối là nhà chị của [T](#) có tổ chức đám cưới đặt mua 20 (hai mươi) thùng bia lon SAIGON LAGER, khi tổ chức đám xong sẽ trả tiền, ông [Đ](#) đồng ý. Sau đó, ông [Đ](#) giao 20 (hai mươi) thùng bia cho [T](#) tại khu vực trước nhà của ông [Nguyễn Thành L](#), sinh năm 1963, thuộc [ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#), với tổng số tiền bia theo giá thỏa thuận mua, bán là 5.100.000 đồng (năm triệu một trăm nghìn đồng). Sau khi nhận được bia, [T](#) đến [tiệm T7](#) “[Nhật Linh](#)” của anh [Bùi Hồng T3](#), sinh năm 1978, thuộc [ấp X, xã T, huyện V](#). [T](#) nói dối anh [T3](#) là đi phụ đám cưới mua lại bia của đám cưới tiệc còn dư, anh [T3](#) mua thì [T](#) chở đến bán lại kiếm tiền lời, anh [T3](#) không biết bia do [T](#) chiếm đoạt mà có nên đồng ý mua. Sau đó, [T](#) chở 10 (mười) thùng bia lon SAIGON LAGER đến bán lại cho anh [T3](#) được số tiền 2.400.000 đồng (hai triệu bốn trăm nghìn đồng), còn lại 10 (mười) thùng bia [T](#) để lại tại hành lang của nhà ông [L](#) (do [T](#) có quen biết trước với ông [L](#)), không nói cho ông [L](#) biết việc gửi số bia nêu trên.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự [huyện V](#), kết luận tài sản (bia) bị chiếm đoạt nêu trên có giá thành tiền là: 5.200.000 đồng (năm triệu hai trăm nghìn đồng).

Vụ xảy ra ngày 28/8/2023:

Khoảng 08 giờ ngày 28/8/2023, [Nguyễn Thị Hồng T](#) tiếp tục điện thoại đến Cửa hàng kinh doanh gas, bia biển hiệu “[Khánh Duy](#)” gặp ông [Đ](#), nói dối với ông [Đ](#) đặt mua 22 (hai mươi hai) thùng bia lon SAIGON LAGER về tổ chức đám, khi tổ chức đám xong sẽ trả tiền và trả đủ luôn số tiền mua bia thiếu trước đó, ông [Đ](#) tin tưởng nên đồng ý. Sau đó, ông [Đ](#) chở 22 (hai mươi hai) thùng bia đến giao cho [T](#) tại khu vực đường nhựa phía trước nhà của ông [Nguyễn Thành L](#), sinh năm 1963, thuộc [ấp X, xã T, huyện V](#), tổng số tiền bia theo giá thỏa thuận mua, bán là 5.764.000 đồng (năm triệu bảy trăm sáu mươi bốn nghìn đồng). Sau khi nhận được bia, [T](#) đã kêu người thanh niên tên [G](#) không rõ họ tên, chỉ quen biết được khi đi làm thuê và nghe biết được nhà ở [huyện C, tỉnh Trà Vinh](#). [T](#) nói dối với người thanh niên tên [G](#) là bia mua giá rẻ của đám cưới tiệc còn dư về bán lại kiếm lời và kêu người thanh niên tên [G](#) đến bán lại 32 (ba mươi hai) thùng bia, trong đó 22 (hai mươi hai) thùng nêu trên và 10 (mười) thùng bia còn lại được gửi tại

nhà ông L trước đó. Tiền bán số bia nêu trên là 8.000.000 đồng (tám triệu đồng). T đã tiêu xài cá nhân hết.

Sau nhiều ngày giao bia, ông D không thấy T trả tiền nên gọi điện thoại yêu cầu T trả tiền mua bia, nhưng T chỉ trả được 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Ông D tìm hiểu thì biết T không đặt bia dùm cho ai đãi đám tiệc mà gian dối, chiếm đoạt số bia trên, nên làm đơn tố giác hành vi của T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện V, kết luận tài sản (bia) bị chiếm đoạt nêu trên có giá thành tiền là: 5.720.000 đồng (năm triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng).

\* Vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại ấp F, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 09/9/2023:

Khoảng 09 giờ 45 phút ngày 09/9/2023, Nguyễn Thị Hồng T điều khiển xe mô tô chở người phụ nữ tên U (quen biết khi phụ bán quán chung, không rõ họ tên, địa chỉ) đi công việc. Trên đường đi, T nảy sinh ý định vào các tiệm tạp hóa ven đường để thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngay sau khi có ý định trên, T không trao đổi hay bàn bạc nói gì về ý định trên của T cho người phụ nữ tên U biết, T tự ghé vào tiệm T7 “Tạp hóa Thùy Dương” của chị Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1970, thuộc ấp F, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. T nói dối với chị H là con của ông 5 Mum mua đồ về tổ chức đám, T hỏi mua 05 (năm) thẻ cào Viettel mỗi thẻ có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); 05 (năm) thẻ cào Mobifone mỗi thẻ mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); 02 (hai) bít bột niêm nhãn hiệu Knorr; 01 (một) bít cà phê nhãn hiệu Trần Quang; 01 (một) hộp giấy lót chén, đĩa; 01 (một) chai nước mắm nhãn hiệu Đệ Nhị; 02 (hai) hộp sữa nhãn hiệu Ngôi Sao; 01 (một) lốc nước giải khát nhãn hiệu bò cụng RED BULL; 02 (hai) bít bột ngọt nhãn hiệu VEDAN. Số hàng tạp hóa nêu trên, chị H ghi ra toa giao cho T có tổng số tiền thỏa thuận mua, bán là 1.523.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng), T yêu cầu chị H cho T mang số hàng hóa trên về trước và T tiếp tục nói dối với chị H là đặt mua thêm nhiều hàng tạp hóa khác yêu cầu chị H ba ngày sau chở đến nơi giao cho T rồi nhận tiền đủ hết luôn, T có để lại số điện thoại để chị H liên lạc khi giao hàng. Chị H nghe T nói con ông 5 Mum, chị H có biết ông 5 Mum là người địa phương, chị H tin tưởng lời của T nói là sự thật nên chị H đồng ý. Sau đó, chị H tìm hiểu biết được T không phải là con ông 5 M1 và nghe biết được T đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V điều tra nên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện V trình báo. Số hàng tạp hóa chiếm đoạt được nêu trên, T đã đem về nhà sử dụng hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện V, kết luận tài sản (hàng tạp hóa) bị chiếm đoạt nêu trên có giá trị thành tiền là 1.508.000 đồng (một triệu năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

\* Vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 22/9/2023:

Ngày 22/9/2023, Nguyễn Thị Hồng T điều khiển xe mô tô chở người phụ nữ tên U đi công việc. Trên đường đi, T nảy sinh ý định vào các tiệm tạp hóa ven đường để thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngay sau khi có ý định trên,

T cũng không trao đổi hay bàn bạc nói gì với người phụ nữ tên U về ý định của T. Khi thực hiện hành vi, T nói dối với người phụ nữ tên U là để T chạy vào đặt mua bia cho đám, T tự ghé vào tiệm T7 “Tập hóa Út T6” thuộc ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, của anh Phạm Trung T2, sinh năm 1996, nơi thường trú: ấp N, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. T gặp nói dối anh T2 là nhà của T ở gần khu vực Cầu M và nhà chị của T ở xã T có chuẩn bị tổ chức tiệc đám cưới cần đặt mua 30 (ba mươi) thùng SAIGON LAGER khi giao bia sẽ đưa tiền cọc trước là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), số tiền còn lại thiếu qua đám trả; anh T2 nghe tin tưởng là thật nên đồng ý. T chỉ đường cho anh T2 đến giao tại nhà người quen thuộc xã T và nói dối với anh Tân đàn trai yêu cầu đặt mua thêm 05 (năm) thùng bia lon nhãn hiệu TIGER nâu, anh T2 đồng ý. Sau đó, anh T2 chở 35 (ba mươi lăm) thùng bia nêu trên với giá thỏa thuận mua, bán với T là 9.400.000 đồng (chín triệu bốn trăm nghìn đồng) đến gặp giao cho T tại khu vực thuộc ấp X, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Khi giao, nhận bia xong, T nói dối anh T2 để chờ người thân về sẽ chuyển khoản tiền đặt cọc, anh T2 tin tưởng là thật nên đồng ý. Ngay sau khi nhận được số bia trên, T đem đi bán lại cho một người đàn ông tên G không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể, ở huyện C, tỉnh Trà Vinh được số tiền 8.760.000 đồng (tám triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng). Anh T2 chờ lâu không thấy T chuyển khoản tiền đặt cọc mua bia, nên điện thoại cho T thì T bịa ra nhiều lý do không chuyển tiền đặt cọc mua bia. Anh T2 đi tìm hiểu biết T không đặt mua bia dùm cho ai để đãi đám tiệc mà gian dối để chiếm đoạt bia của anh đem đi bán. Sau khi tìm kiếm, anh T2 đã tìm gặp được T, T thừa nhận đã tự đặt chuyện mua bia để chiếm đoạt, đem đi bán lấy tiền tiêu xài, còn lại số tiền 7.400.000 đồng (bảy triệu bốn trăm nghìn đồng), T giao lại cho anh T2.

Tại Kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐĐGTS ngày 09/11/2023 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện V, kết luận tài sản bị chiếm đoạt nêu trên có giá trị thành tiền là 9.550.000 đồng (chín triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 17/12/2023:

Khoảng 08 giờ ngày 17/12/2023, Nguyễn Thị Hồng T thuê xe Honda ôm của một người đàn ông lạ mặt không quen biết chở đi làm thuê (phục vụ tiệc cưới) tại địa bàn xã T. Trên đường đi T nảy sinh ý định đến các tiệm tạp hóa để thực hiện hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Ngay sau khi nảy sinh ý định trên, T kêu người đàn ông điều khiển xe Honda chở T đến tiệm tạp hóa không biển hiệu của ông Nguyễn Văn Bé N1, sinh năm 1965, thuộc ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long nhằm thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt bia, các mặt hàng tạp hóa. T kêu người đàn ông chạy xe Honda ôm đậu xe ngoài đường chờ, T đi một mình vào bên trong tiệm tạp hóa gặp ông Bé N1, T nói dối là em vợ của ông 7 L1 (nhà ở cùng xóm với ông Bé N1) và nhà ông 7 L1 có tổ chức tiệc sinh nhật nên T đến đặt mua đồ dùm ông 7 L1 để mang về tổ chức tiệc, T hỏi đặt mua 20 thùng bia cùng rất nhiều mặt hàng tạp hóa khác nhau, ông B Năm tin tưởng lời của T nói là thật nên ông Bé N1 đồng ý. Ông Bé N1 ghi ra đơn hàng, T tiếp tục yêu cầu ông Bé N1 bán thêm cho T 05 (năm) thùng bia lon hiệu TIGER nâu với giá 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) và nhiều loại thẻ cào điện thoại các loại khác nhau gồm: 03 (ba) thẻ cào điện thoại Mobifone

có mệnh giá mỗi thẻ là 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng); 04 (bốn) thẻ cào điện thoại V có mệnh giá mỗi thẻ là 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng); 02 (hai) thẻ cào điện thoại Mobifone có mệnh giá mỗi thẻ là 50.000 đồng (năm mươi nghìn đồng). T yêu cầu ông Bé N1 cho T đem 05 thùng bia và số thẻ cào nêu trên về trước, các hàng tạp hóa còn lại T kêu ông Bé N1 giao tại nhà của ông 7 L1 vào ngày 09/11/2023 âm lịch sẽ trả đủ tiền mua hàng tạp hóa nêu trên, ông Bé N1 đồng ý. T nhận thẻ cào điện thoại nêu trên và 05 (năm) thùng bia TIGER nâu mang ra xe, người đàn ông chạy Honda ôm chở T đến thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Đến chiều cùng ngày, ông Bé N1 đi tìm hiểu biết được T không đặt mua bia dùm cho ông 7 L1 để đãi đám tiệc gì hết mà T đặt chuyện để chiếm đoạt bia và thẻ cào điện thoại nên ông Bé N1 đến Công an xã T trình báo sự việc.

Công an xã T phối hợp với Công an huyện V mời làm việc với T. Tại Cơ quan Công an, T khai nhận đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên; 05 (năm) thùng bia TIGER nâu chiếm đoạt được T đã bán lại cho một người phụ nữ không quen biết bán tiệm tạp hóa ven đường (không nhớ rõ biển hiệu, địa chỉ) được số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiêu xài cá nhân một phần; còn lại 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Số thẻ cào điện thoại chiếm đoạt được T cất giấu để dành sử dụng cá nhân và sau đó đã bán lại cho người lạ lấy tiền tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 22/01/2024 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện V, kết luận tài sản xảy ra trong vụ việc nêu trên vào ngày 17/12/2023 có giá trị thành tiền là 2.550.000 đồng (hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Nguyễn Thị Mỹ Q yêu cầu T trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán là 4.072.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Bị hại Huỳnh Ngọc D yêu cầu T trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán là 1.489.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Bị hại Huỳnh Thị Minh S yêu cầu T trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán và số tiền mượn chiếm đoạt, tổng cộng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Bị hại Võ Thị Huỳnh N yêu cầu T trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán là 1.758.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Bị hại Nguyễn Văn Đ yêu cầu T trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán. T đã trả 2.000.000 đồng, còn lại là 8.864.000 đồng (tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Bị hại Trần Thị Ngọc H yêu cầu T trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán là 1.523.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Bị hại Phạm Trung T2 yêu cầu T trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán. T đã trả 7.400.000 đồng, còn lại là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Bị hại Nguyễn Văn Bé N1 yêu cầu T trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán, đã nhận 750.000 đồng, còn lại là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

Trong quá trình điều tra, bị can Nguyễn Thị Hồng T thành khẩn khai báo; bồi thường được một phần thiệt hại; phạm tội 02 lần trở lên.

Đối với anh Bùi Hồng T3 và ông Nguyễn Thành L, không biết tài sản (bia) là do bị can T phạm tội mà có. Riêng người phụ nữ tên U; người thanh niên tên G chưa

xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể. Ngoài ra, bị can [T](#) khai nhận thực hiện hành vi phạm tội chỉ một mình, không có sự trao đổi bàn bạc hay hứa hẹn gì với những người nêu trên. Do đó, không có cơ sở xem xét xử lý hành vi của anh [T3](#), ông [L](#), người phụ nữ tên [U](#) và người thanh niên tên [G](#), về vai trò đồng phạm hay vi phạm pháp luật có liên quan.

Về tài sản, đồ vật tạm giữ liên quan vụ án:

Số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), [T](#) giao nộp trong vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” xảy ra tại [ấp R, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long](#) ngày 17/12/2023. Ngày 06/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra [công an huyện V](#), đã trả lại cho số trên cho bị hại là ông [Nguyễn Văn Bé N1](#).

Bản cáo trạng số: 19/CT-VKSHVL ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tỉnh Vĩnh Long truy tố bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm đề nghị:

- Về trách nhiệm hình sự tuyên bố: Bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Áp dụng: theo điểm b, d khoản 2 Điều 174, điểm n, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017. Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) có mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 27/2022/HS-ST ngày 09/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

\* Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Thị Mỹ Q](#) số tiền là 4.072.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Huỳnh Ngọc D](#) số tiền là 1.489.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Huỳnh Thị Minh S](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán tổng cộng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Võ Thị Huỳnh N](#) số tiền là 1.758.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Văn Đ](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán. [T](#) đã trả 2.000.000 đồng, còn lại là 8.864.000 đồng (tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Trần Thị Ngọc H](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán là 1.523.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Phạm Trung T2](#) yêu cầu [T](#) trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán. [T](#) đã trả 7.400.000 đồng, còn lại là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Văn Bé N1](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán, đã nhận 750.000 đồng, còn lại là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

\* Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải nộp 1.825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

\*Ý kiến của bị cáo [T](#): thống nhất với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Vũng Liêm.

\*Lời nói sau cùng của bị cáo: Xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra [công an huyện V](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo [T](#) thừa nhận hành vi trong nội dung bản cáo trạng đã nêu. Bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) đang trong thời gian được hoãn thi hành án phạt tù do bị cáo [T](#) đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi và thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù là 02 (hai) năm 07 (bảy) tháng 05 (năm) ngày kể từ ngày 13/7/2023. Trong khoảng thời gian được hoãn chấp hành án phạt tù nêu trên, bị cáo [T](#) tiếp tục thực hiện 08 vụ “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân, chi tiêu hàng ngày trong thời gian bị cáo được hoãn chấp hành án phạt tù đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi như đã nêu trên.

[3] Lời trình bày và khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra cùng với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khách quan kết luận bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội danh, hình phạt được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

[4] Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nghiêm khắc nhưng với ý thức coi thường pháp luật, bị cáo từng bị xét xử 03 (ba) lần về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” lẽ ra đang trong thời gian được hoãn chấp hành án tù bị cáo phải biết ăn năn hối cải, sửa đổi để trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội nhưng bị cáo tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Vì vậy,

cần thiết phải áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian đủ dài mới có tác dụng trừng trị, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[5] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo như sau:

- Tình tiết tăng nặng: Quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

+ Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải bồi thường cho các bị hại như sau:

- Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Thị Mỹ Q](#) số tiền là 4.072.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Huỳnh Ngọc D](#) số tiền là 1.489.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Huỳnh Thị Minh S](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán tổng cộng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Võ Thị Huỳnh N](#) số tiền là 1.758.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Văn Đ](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán. [T](#) đã trả 2.000.000 đồng, còn lại là 8.864.000 đồng (tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Trần Thị Ngọc H](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán là 1.523.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Phạm Trung T2](#) yêu cầu [T](#) trả số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán. [T](#) đã trả 7.400.000 đồng, còn lại là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Văn Bé N1](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán, đã nhận 750.000 đồng, còn lại là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải nộp (4.072.000 đồng + 1.489.000 đồng + 15.000.000 đồng + 1.758.000 đồng + 8.864.000 đồng + 1.523.000 đồng + 2.000.000 đồng + 1.800.000 đồng) X 5%=1.825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Tuyên bố:** Bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ vào: điểm b, d khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi năm 2017.

Xử phạt bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng khoản 2 Điều 56 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 04 (bốn) tháng tù tại Bản án số 27/2022/HS-ST ngày 09/6/2022 và hình phạt 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù tại Bản án số 28/2023/HS-ST ngày 31/05/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long. Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải chịu hình phạt chung của cả ba bản án là 07 (bảy) năm 10 (mười) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự.

+ Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải bồi thường cho các bị hại như sau:

- Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Thị Mỹ Q](#) số tiền là 4.072.000 đồng (bốn triệu không trăm bảy mươi hai nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Huỳnh Ngọc D](#) số tiền là 1.489.000 đồng (một triệu bốn trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Huỳnh Thị Minh S](#) số tiền theo giá đã thỏa thuận mua bán tổng cộng là 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Võ Thị Huỳnh N](#) số tiền là 1.758.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi tám nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Văn Đ](#) số tiền là 8.864.000 đồng (tám triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Trần Thị Ngọc H](#) số tiền là 1.523.000 đồng (một triệu năm trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Phạm Trung T2](#) số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) bồi thường cho bị hại [Nguyễn Văn Bé N1](#) số tiền là 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng).

- Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo [Nguyễn Thị Hồng T](#) phải nộp 1.825.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, bị hại báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày

kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án cấp trên xem xét phúc thẩm lại.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh Long;
- Viện kiểm sát huyện Vũng Liêm;
- Công an huyện Vũng Liêm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;
- Các bị cáo;
- UBND xã Hiếu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Kim Mơn**